

Số: 471/2018/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 26 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 637/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh: Đặng Duy K, sinh năm 1987.

Chị: Lê Thị N, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Đặng Duy K và chị Lê Thị N tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. N nhân, do không cùng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn nên anh K và chị N đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Nay, anh K và chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh K và chị N.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Đặng Lê Duy N, sinh ngày 02/11/2015 và Đặng Lê Duy A, sinh ngày 16/5/2017. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị N nuôi cháu A, anh K nuôi cháu N, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh K, chị N khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

[4] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm anh K tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Duy K và chị Lê Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh K và chị N có 02 con chung tên Đặng Lê Duy N, sinh ngày 02/11/2015 và Đặng Lê Duy A, sinh ngày 16/5/2017. Sau khi ly hôn chị N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A, anh K được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị N, anh K đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở. Vì lợi ích của con một hoặc hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh K tự nguyện chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Do anh K đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai số 0020586 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

* Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng